

ÔN TẬP TOÁN CUỐI HỌC KÌ II LỚP 4

ĐỀ SỐ 1

Câu 1: Nối mỗi phân số ở cột trái với phân số bằng nó ở cột phải:

$$\left(\frac{1}{2}\right)$$

$$\frac{18}{24}$$

$$\left(\frac{3}{4}\right)$$

$$\frac{5}{4}$$

$$\left(\frac{6}{7}\right)$$

$$\frac{5}{10}$$

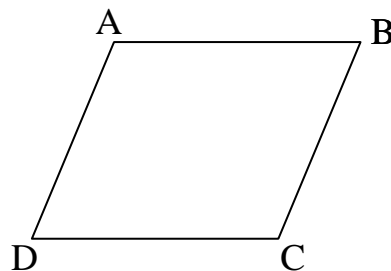
$$\left(\frac{20}{16}\right)$$

$$\frac{36}{42}$$

Câu 2: Viết vào chỗ chấm cho thích hợp:

Trong hình bình hành ABCD có:

- a. Cạnh AB bằng cạnh:
- b. Cạnh AD bằng cạnh:
- c. Cạnh AB song song với cạnh:
- d. Cạnh AD song song với cạnh:



Câu 3: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a. Chữ số 7 trong số 347 856 chỉ:

- A. 7
- B. 7856
- C. 700
- D. 7000

b. Phân số $\frac{4}{5}$ bằng:

- A. $\frac{20}{16}$
- B. $\frac{16}{20}$
- C. $\frac{16}{15}$
- D. $\frac{12}{16}$

Câu 6: Viết tiếp vào chỗ chấm:

Tìm x: $x - \frac{11}{5} = \frac{2}{5} : \frac{2}{3}$

$x - \frac{11}{5} = \dots\dots\dots$

$x = \dots\dots\dots$

$x = \dots\dots\dots$

ĐỀ SỐ 2

Câu 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a. Chữ số 5 trong số 435 869 chỉ:

- A. 5 B. 50 C. 500 D. 5000

b. Phân số $\frac{3}{5}$ bằng phân số nào dưới đây?

- A. $\frac{30}{18}$ B. $\frac{18}{30}$ C. $\frac{12}{15}$ D. $\frac{9}{20}$

c. Phép trừ $\frac{9}{18} - \frac{4}{18}$ có kết quả là:

- A. $\frac{5}{18}$ B. 5 C. $\frac{13}{18}$ D. $\frac{36}{18}$

d. Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $37m^2 9dm^2 = \dots\dots\dots dm^2$ là:

- A. 379 B. 3709 C. 37 009 D. 3790

Câu 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a. 2 phút 35 giây = 155 giây

b. $48 \times (37 + 15) = 48 \times 37 + 48 \times 15$

Câu 3: Điền vào chỗ chấm các dấu > ; < ; =

a. $\frac{7}{12} \dots\dots\dots \frac{7}{13}$

b. $\frac{10}{18} \dots\dots\dots \frac{11}{18}$

c. $\frac{5}{8} \dots\dots\dots \frac{10}{16}$

d. $1 \dots\dots\dots \frac{70}{71}$

Câu 4: Tính

a. $\frac{7}{15} + \frac{4}{5} = \dots\dots\dots$

b. $\frac{5}{7} \times \frac{8}{3} = \dots\dots\dots$

c. $\frac{4}{5} : \frac{8}{7} = \dots\dots\dots$

ĐỀ SỐ 3

Câu 1: Nối mỗi phân số ở cột trái với phân số bằng nó ở cột phải:

$$\left(\frac{1}{2}\right)$$

$$\frac{20}{45}$$

$$\left(\frac{2}{3}\right)$$

$$\frac{50}{100}$$

$$\left(\frac{4}{9}\right)$$

$$\frac{11}{6}$$

$$\left(\frac{66}{36}\right)$$

$$\frac{20}{30}$$

Câu 2: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a. Giá trị của chữ số 4 trong số 240 853 là:

- A. 4 B. 40 C. 40 853 D. 40 000

b. Số thích hợp điền vào chỗ chấm để 1 tấn 32kg = Kg là:

- A. 132 B. 1320 C. 1032 D. 10 032

c. Số thích hợp điền vào chỗ chấm để $\frac{15}{21} = \frac{\dots}{7}$ là:

- A. 15 B. 21 C. 7 D. 5

d. Số thích hợp điền vào chỗ chấm để $5\text{dm}^2 3\text{cm}^2 = \dots \text{cm}^2$ là:

- A. 53 B. 530 C. 503 D. 5030

Câu 3: Tính

a. $\frac{2}{5} + \frac{2}{12} = \dots\dots\dots$

b. $\frac{2}{3} - \frac{3}{8} = \dots\dots\dots$

c. $\frac{3}{7} \times \frac{4}{9} =$

d. $\frac{11}{10} - \frac{2}{5} : \frac{2}{3} =$

ĐỀ SỐ 4

Câu 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a. Số thích hợp viết vào ô trống để $\frac{3}{4} : \frac{\square}{4} = \frac{1}{4}$ là:

- A. 1 B. 3 C. 4 D. 12

b. Giá trị của chữ số 4 trong số 17 406 là:

- A. 4 B. 40 C. 400 D. 406

c. Diện tích hình bình hành có độ dài đáy 3dm, chiều cao 23cm là:

- A. 690cm B. 690cm² C. 69dm² D. 69cm²

d. Chu vi của hình vuông có diện tích 25cm² là:

- A. 5cm B. 20 C. 20cm D. 20cm²

Câu 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a. $8dm^2 7cm^2 = 87cm^2$

b. 5 phút 25 giây = 325 giây

c. $\frac{1}{2} \times \frac{3}{5} = \frac{3}{5} \times \frac{1}{2}$

d. $a - 0 = 0$

Câu 3: Điền các dấu > ; < ; = vào chỗ chấm thích hợp:

a. $35 \times 11 \dots\dots\dots 380$

b. $3kg 15g \dots\dots\dots 3150g$

c. $\frac{2008}{2009} \dots\dots\dots 1$

d. $\frac{5}{7} \dots\dots\dots \frac{25}{35}$

Câu 4: Viết tất cả các giá trị của x biết $33 < x < 48$ và x chia hết cho 3:

Câu 5: Tính

a. $\frac{7}{12} + \frac{1}{4} =$

b. $\frac{13}{15} - \frac{3}{5} =$

c. $\frac{4}{9} \times \frac{7}{5} =$

d. $\frac{15}{7} : \frac{5}{8} =$

